

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Du.

2/ Ông Phan Chí Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Thúy D, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A (số cũ B), đường Lê Văn T, tổ C, khu phố D, phường Tương Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A (số cũ B), đường Lê Văn T, tổ C, khu phố D, phường Tương Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2024 và quá trình giải quyết, bà Lâm Thị Thúy D là nguyên đơn trình bày:

Bà Lâm Thị Thúy D và ông Lê Ngọc N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tương Bình H ngày

13/3/2008. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022, bà D và ông N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thay đổi tính tình, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với con cái. Bà D đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông N vẫn không thay đổi, mà còn dùng những lời lẽ xúc phạm, thậm chí đánh đập bà D. Hiện bà D và ông N đã sống ly thân. Nay bà D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể nào tiếp tục sống chung với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Lê Ngọc N. Về con chung, bà D và ông N có 02 con chung tên Lê Ngọc Quế T, sinh ngày 20/8/2006 và Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Ngọc Quế T và Lê Lâm Gia B, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Ngọc N tại nơi cư trú, lý do ông N thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Tương Bình H xác định ông Lê Ngọc N, sinh năm 1983 có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số A (số cũ B), đường Lê Văn T, tổ C, khu phố D, phường Tương Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông N theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Tương Bình H và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Về con chung, bà D vẫn giữ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Ngọc Quế T, sinh ngày 20/8/2006 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ngày 06/9/2024, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về phía bị đơn ông Lê Ngọc N vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ

tổ tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy D đối với bị đơn ông Lê Ngọc N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/9/2024, bà Lâm Thị Thúy D là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lê Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thúy D và ông Lê Ngọc N tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tương Bình Hiệp, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 13/3/2008 của Ủy ban nhân dân phường Tương Bình H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà Lâm Thị Thúy D và ông Lê Ngọc N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thay đổi tính tình, không chăm lo quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với con chung. Bà D đã nhiều lần khuyên nhủ ông N sửa đổi với mong muốn vợ chồng hàn gắn, cùng nhau chăm lo cho các con chung. Tuy nhiên, ông N vẫn không thay đổi, mà còn dùng những lời lẽ xúc phạm, thậm chí đánh đập bà D. Hiện bà D và ông N đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông N đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông N. Về phía bị đơn ông Lê Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông N không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không N được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Thúy D đối với ông Lê Ngọc N là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông N có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Quế T, sinh ngày 20/8/2006 và Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012. Đối với cháu Lê Ngọc Quế T, sinh ngày 20/8/2006 đã trên 18 tuổi

nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012 hiện đang sống ổn định với bà D nên bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B. Xét thấy, bà D có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết, cháu Bảo trình bày ý kiến hiện cháu B đang sống với bà D, do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Lâm Thị Thúy D trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012 cho bà Lâm Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy D đối với bị đơn ông Lê Ngọc N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thúy D được ly hôn với ông Lê Ngọc N.

- Về con chung:

+ Đối với cháu Lê Ngọc Quế T, sinh ngày 20/8/2006 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với cháu Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012: Giao con chung là cháu Lê Lâm Gia B, sinh ngày 11/9/2012 cho bà Lâm Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Lê Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Lê Ngọc N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lâm Thị Thúy D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Lê Ngọc N.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Thúy D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BLTU/24 - 0004598 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Tương Bình Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung